

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2021/DS-PT

Ngày: 10-6-2021

V/v tranh chấp: “Yêu cầu tuyên
bố di chúc vô hiệu, yêu cầu chia
di sản thừa kế theo pháp luật,
yêu cầu chia di sản thừa kế theo
di chúc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Từ ngày 07 đến ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn E, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 5 năm 2019)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Võ Thị Đ, Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 9 năm 2020)

5. Bà Võ Thị H, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Võ Hồng M, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Phạm Công X, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Trần Văn Phi Đ, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L, Võ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Cha của bà là cụ Trần Thanh V (chết trước 1975 không có giấy chứng tử) và mẹ của bà là cụ Võ Thị T (chết năm 2016). Cụ V và cụ T có 08 người con gồm Võ Thị N, Võ Thị C, Võ Thị H, Võ Thị L, Võ Thị Ngọc Đ, Võ Thị L, Võ Văn E, Võ Thị O (chết năm 2000), bà O không có chồng, không có con. Trước khi cụ T chết vào năm 2016 thì cụ T còn đứng tên diện tích 1.050m², thuộc thửa 1787, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; trên phần đất này có căn nhà cấp 4, kết cấu mái tole, cột đúc, vách lá, kèo thao lao, nền đất cùng các tài sản vật dụng trong nhà gồm 03 cái tủ, 02 giường ngủ, 01 bộ ván, 07 lu đựng nước.

Khi cụ T chết không để lại di chúc, sau khi cụ T chết thì ông E quản lý toàn bộ nhà và đất là di sản của cụ T để lại. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T để lại theo quy định pháp luật, yêu cầu chia làm 07 phần cho những người thừa kế thứ nhất của cụ T, bà L yêu cầu được nhận 01 kỷ phần và xin nhận bằng hiện vật. Đối với nhà thờ và các tài sản vật dụng trong nhà bà L yêu cầu chia theo pháp luật.

Bị đơn ông Võ Văn E trình bày:

Cha của ông là cụ Trần Thanh V, hiện nay không xác định còn sống hay đã chết, mẹ của ông là cụ Võ Thị T (chết ngày 18/8/2016). Cha mẹ của ông sinh được 08 người con gồm Võ Thị O (không nhớ thời gian bà Võ Thị O chết), bà O có chồng và 02 con nhưng ông không biết họ tên và địa chỉ của họ nên ông không cung cấp được; Võ Thị N; Võ Thị C; Võ Thị H; Võ Thị L1; Võ Thị L; Võ Thị Đ, Võ Văn E. Cụ T có đứng tên diện tích 1.590m² đất ở, cây lâu năm (trong đó đất thổ cư là 200m²), đất tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có 01 căn nhà tạm kết cấu nhà như bà L trình bày. Trước khi cụ T chết (ngày 18/8/2016) thì vào ngày 02/7/2016 cụ T đã lập di chúc có người làm chứng là ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh P, bà Điều Thị N, ông Võ Hồng M, anh Phạm Công X, ông Trần Văn Phi Đ, ông Nguyễn Tấn S (chồng bà N) trực tiếp chứng kiến và nghe cụ T di chúc để lại diện tích đất còn lại là 1.050m² cùng căn nhà trên phần đất này cho ông hưởng toàn bộ. Sau khi cụ T lập di chúc thì ông E có nộp di chúc yêu cầu xã xác nhận nhưng cán bộ xã không chứng thực.

Nay ông E không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất và nhà trên đất theo quy định pháp luật. Ông E yêu cầu Tòa án công nhận di chúc đề ngày 02/7/2016 của cụ T là hợp pháp, yêu cầu được hưởng toàn diện tích đất 1.050m² theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị N, bà Võ Thị C, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị H trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày của bà L về di sản thừa kế của cụ T để lại và hàng thừa kế thứ nhất của cụ T. Nay bà N, bà C, bà L1, bà Đ, bà H yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất và nhà của cụ T để lại, trong đó bà N, bà C, bà L1, bà Đ yêu được hưởng kỷ phần của mình bằng hiện vật, riêng bà H đồng ý cho lại cho ông E kỷ phần mà bà được chia.

Người làm chứng anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Anh có chứng kiến cụ T lập di chúc ngày 02/7/2016, anh đã chứng kiến từ lúc đầu, cụ T đã nói ý của mình cho cháu nội ghi. Khi đó, ý của cụ T là các con gái đã được chia đất rồi, diện tích còn lại cùng căn nhà để lại cho ông E đứng tên vì lúc đó cụ T sợ để lại nhà đất cho C (mặc dù C ở chung nhà với cụ T) thì C sẽ bán do C có chơi đá gà. Thời điểm cụ T để lại di chúc thì cụ T hơi yếu, đi lại không được nhưng cụ T nhận thức được, con cháu đến thăm thì cụ T đều biết, sau khi di chúc viết xong có đọc lại cho cụ T và người làm chứng nghe, cụ T đồng ý với nội dung di chúc đã viết nên cụ T đã tự lặn tay vào di chúc. Anh đã ký tên làm chứng chứng kiến cụ T lập di chúc ngày 02/7/2016.

Người làm chứng anh Võ Hồng M trình bày:

Anh có chứng kiến cụ T lập di chúc ngày 02/7/2016, do anh đến sau những người làm chứng khác nên anh không chứng kiến từ đầu nhưng sau khi di chúc được viết xong thì C là cháu nội của cụ T có đọc lại nội dung di chúc cho cụ T nghe và mọi người làm chứng nghe. Thời điểm lập di chúc, cụ T còn minh mẫn, chỉ là chân tay đi lại hơi yếu mà thôi nên khi đọc lại nội dung di chúc thì cụ T không có ý kiến phản đối và cụ T đã tự lặn tay vào di chúc. Anh không nhớ cụ thể nội dung di chúc nhưng anh nhớ cụ T để lại đất và nhà thờ cho ông E và anh đã ký làm chứng trong di chúc ngày 02/7/2016 của cụ T.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh là hàng xóm không quan hệ bà con gì với các đương sự. Anh có chứng kiến cụ T lập di chúc để lại di sản, di chúc đề ngày 02/7/2016. Thời điểm lập di chúc, cụ T còn minh mẫn, trí óc bình thường, chỉ là cụ T tay chân yếu không đi lại được. Khi anh đến chứng kiến thì cụ T nói ý kiến của cụ cho cháu nội ghi lại. Nội dung là cụ T để lại diện tích đất cùng căn nhà thờ cho ông E đứng tên để sau này ông E cho lại anh C vì cụ T sợ cho C đứng tên thì C sẽ bán. Sau khi viết xong nội dung di chúc thì có đọc lại cho cụ T và tất cả người làm chứng nghe, cụ T đã thống nhất với nội dung di chúc đã ghi. Do cụ T khi đó ký tên bị run nên cụ T mới lặn tay, điểm chỉ và anh đã ký xác nhận chứng kiến cụ T lập di chúc. Thời điểm cụ T lập di chúc vào ngày 02/7/2016 anh đã chứng kiến. Nhưng khi ký xác nhận do anh xem ngày sai nên anh đã đề ngày 03/7/2016, thời điểm đó mọi người có yêu cầu anh chỉnh sửa lại nhưng anh đã có ý kiến giấy tờ thì không sửa tới sửa lui, có gì anh sẽ giải thích.

Người làm chứng ông Nguyễn Tấn S trình bày:

Ông là chồng của bà Võ Thị N là anh rể của bà L, ông E. Ông có ký tên làm chứng trong di chúc của cụ T lập ngày 02/7/2016. Nhưng khi ông đến thì di chúc đã được viết trước đó và ông chỉ đến ký tên. Trước khi ông ký tên người làm chứng ông có được nghe đọc lại nội dung di chúc. Ông chỉ nhớ nội dung di chúc để lại đất cho con trai của ông E là Võ Minh C (hiện nay đã chết) vì lúc đó Cường ở chung với bà T, còn vợ chồng ông E ở riêng nên theo ông nghĩ thì ở riêng ông E không được hưởng. Di chúc do ông E cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của ông. Thời điểm cụ T lập di chúc thì cụ T bị bệnh, vừa từ bệnh viện về, cụ T vẫn nhận biết được người đến thăm, nhưng khỏe thì cụ T nói còn không khỏe thì cụ T gật đầu hoặc lắc đầu. Lúc đọc lại nội dung di chúc thì cụ T

ngôi đó không biết có nghe được hay không nhưng cụ T không có ý kiến gì và ông cũng không để ý lúc lần tay cụ T có ý kiến phản đối hay không.

Người làm chứng Phạm Công X trình bày:

Ông có đến nhà cụ T, ông có nghe đọc tờ di chúc về phần đất còn lại cho ông Võ Văn E là con trai trong gia đình. Trong lúc đó, cụ T còn minh mẫn, để sau này bà có qua đời không ai được quyền tranh chấp phần đất mà cụ để lại. Anh đã nghe và ký tên người làm chứng trong di chúc.

Người làm chứng ông Trần Văn Phi Đ trình bày:

Ông có tới nhà cụ T, ông có nghe đọc tờ di chúc về phần đất còn lại của cụ T để lại cho ông Võ Văn E và ông đã ký tên vào tờ di chúc.

Theo biên bản xác minh anh Võ Thanh T – cán bộ Tư pháp, hộ tịch xã L cung cấp thông tin:

Trước khi cụ Võ Thị T chết thì ông E có đem di chúc viết tay đề ngày 02/7/2016 của cụ T có nội dung xác nhận của những người làm chứng để yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L chứng thực. Khi đó, anh có yêu cầu ông E chở cụ T đến Ủy ban nhân dân xã để xác định nội dung di chúc thể hiện đúng ý chí của cụ T hay không. Anh hoàn toàn không có nhận di chúc của cụ T do ông E yêu cầu công chứng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 207/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 624, Điều 625, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, bà N, bà C, bà Đ, bà L1, bà H yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ T đề ngày 02/7/2016 vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu chia di sản của cụ T để lại theo pháp luật đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 1.270,9m² tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông E, công nhận di chúc đề ngày 02/7/2016 do cụ T để lại là hợp pháp. Chia thừa kế di sản của cụ T để lại theo di chúc ngày 02/7/2016 cho ông E hưởng toàn bộ.

Ông E được chia toàn bộ diện tích 1.270,9m² tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà thờ tọa lạc trên phần đất này theo di chúc của cụ T, đất có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất Lê Văn B.

+ Tây giáp đất Võ Thị L, đất Võ Thị L1 và đường Giồng Nhỏ.

+ Nam giáp đất bà Lê Thị Ngọc T, đất ông Nguyễn Tấn S và đường huyện

+ Bắc giáp đất bà Võ Thị L, đất bà Nguyễn Thị Mỹ C.

(Có sơ đồ kèm theo).

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông E đồng ý chia tài sản vật dụng trong nhà do cụ T để lại gồm 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo bằng gỗ, 01 tủ gỗ kiếng, 01 giường bằng gỗ, 01 giường sắt, 05 lu đựng nước cho bà L, bà L1, bà N, bà H, bà C, bà L, bà Đ, ông E thực hiện chia ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/9/2020, nguyên đơn bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L, Võ Thị Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, bà Cúc, bà Nhất, bà Lan, bà Điệp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Cúc, bà Nhất, bà Lan và bà Điệp là chị Ngoan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Phụng vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tờ di chúc của cụ Võ Thị T lập ngày 02/7/2016 cụ T đã lập di chúc có người làm chứng là ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh P, bà Điều Thị N, ông Võ Hồng M, ông Phạm Công X, ông Trần Văn Phi Đ, ông Nguyễn Tấn S (chồng bà N) trực tiếp chứng kiến và nghe cụ T lập di chúc để lại cho ông E diện tích đất 1.050m², mặc dù di chúc không có chứng thực tại địa phương nhưng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu là không có cơ sở. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu. Tuy nhiên đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ T đứng tên có tổng diện tích đất 1.590m², khi còn sống cụ T đã lập hợp đồng tặng cho cho bà L 386,2m², bà L 190m² và phần diện tích còn lại theo di chúc là 1.050m² cụ T lập để lại cho ông E. Qua đo đạc thực tế phần đất này có tổng diện tích là 1.270,9 m² đối chiếu bản di chúc cụ T lập cho ông E thì phần diện tích 220.9m² là di sản của cụ T còn lại chưa định đoạt, hiện tại phần đất này ông E đang quản lý đây là di sản của cụ T cần phải chia theo pháp luật. Cụ T có 8 người con nhưng chị O đã chết không có chồng con, nên cần chia cho 07 kỷ phần, giao cho ông E quản lý phần đất này và ông E có trách nhiệm giao lại 6 kỷ phần cho các đồng thừa kế giá trị bằng tiền. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, những người làm chứng gồm anh Nguyễn Thanh P, anh Võ Hồng M, anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Tấn S, ông Phạm Công X, ông Trần Văn Phi Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị H, anh Nguyễn Thanh P, anh Võ Hồng M, anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Tấn S, ông Phạm Công X, ông Trần Văn Phi Đ.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L1, Võ Thị Đ có đơn kháng cáo còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L, Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ T chết để lại gồm diện tích đất qua đo đạc thực tế là 1.270,9m² thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà thờ và các tài sản vật dụng trong nhà thờ, đồng thời tuyên bố di chúc đề ngày 02/7/2016 là vô hiệu, ông E có yêu cầu phản tố yêu cầu được chia di sản của cụ T để lại theo di chúc đề ngày 02/7/2016 nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc”.

[4] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L1, Võ Thị Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, bà C, bà N, bà L1, bà Đ.

[5] Về nội dung vụ án: Xác định di sản của cụ T để lại: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00269 ngày 31/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho cụ T đối với diện tích 1.590m², đất cây lâu năm + đất ở thuộc thửa 1787, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sử dụng cụ T đã tặng cho bà Võ Thị L diện tích 386,2m²; tặng cho bà Võ Thị L1 diện tích 192m², bà L và bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2016 nên diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.011,8m² nhưng qua đo đạc thực tế diện tích đất cụ T để lại là 1.270,9m². Tại phiên tòa các đương sự thống nhất di sản của cụ T để lại gồm diện tích đất 1.270,9m², thuộc thửa 1787, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang và căn nhà thờ tọa lạc trên phần đất (nhà thờ thời điểm cụ T để lại có kết cấu vách lá, cột cây, mái lợp tole), sau khi cụ T qua đời thì ông E đã sửa lại toàn bộ chỉ giữ lại cột cây, các tài sản vật dụng trong nhà gồm 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo bằng gỗ, 01 tủ gỗ kiếng, 01 giường bằng gỗ, 01 giường sắt, 05 lu đựng nước.

[6] Xác định hàng thừa kế của cụ T: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất cụ Trần Thanh V (chết trước năm 1975 không có giấy chứng tử), cụ Võ Thị T (chết ngày 28/8/2016), lúc sinh thời cụ Vân và cụ T có 08 người con gồm bà Võ Thị N, bà Võ Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Ngọc Đ, bà Võ Thị L, bà Võ Thị L1, ông Võ Văn E, bà Võ Thị O (chết năm 2000) không xác định được chồng và con của bà O. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ hàng thừa kế của bà O. Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2021 có tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú bà O, ông Nguyễn Xuân Việt trưởng khu phố 1 cho biết bà O trước đây chỉ sống một mình thỉnh thoảng có một người đàn ông làm nghề tài xế lái xe lâu lâu ghé thăm, đến khi bà O chết do bà O nghèo nên khu phố có vận động bà con gom góp tiền mua quan tài để chôn cất nhưng sau đó anh E bà O từ huyện G lên xin đem về quê chôn cất, còn việc bà O có con hay không khu phố không thấy và không biết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm có bà N, bà C, bà H, bà L1, bà Đ, bà L và ông E.

Xét yêu cầu của bà L, bà N, bà C, bà L1, bà Đ yêu cầu tuyên bố di chúc viết tay đề ngày 02/7/2016 của cụ T để lại di sản cho ông E là vô hiệu đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T theo quy định pháp luật, yêu cầu chia làm 07 phần và mỗi người xin nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật. Bị đơn ông E có yêu cầu phản tố yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ T để lại theo di chúc đề ngày 02/7/2016.

Theo di chúc cụ Võ Thị T (chết năm 2016), khi còn sống cụ T có tổng diện tích đất 1.590m² cụ T lập di chúc lần đầu ngày 20/11/2008 cho hai người con gái cụ thể bà Võ Thị L diện tích đất 324m², bà Võ Thị L1 diện tích đất 144m², nhưng đến ngày 04/07/2012 cụ T lập hợp đồng tặng cho cho bà L diện tích đất 386,2m², bà Võ Thị Lan diện tích đất 192m² đến ngày 02/7/2016 cụ T lập tờ di chúc để lại cho ông E diện tích đất 1.050m², đến ngày 14/10/2016 bà L và bà Lan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng tặng cho ngày 04/07/2012. Khi còn sống cụ T lập lại di chúc ngày 02/7/2018 có nói *“Tôi có phần đất cây lâu năm tọa lạc ấp N, xã L với diện tích 1.590m² nhưng hiện nay có hai đứa con gái một là Võ Thị L 386.2m² hai là Võ Thị L1 192m² để cất nhà ở còn lại là phần của tôi với diện tích 1.050m² và nhà cửa....”*

Nguyên đơn cho rằng di chúc không hợp pháp, lý do di chúc không có chứng thực tại địa phương, yêu cầu tòa án tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Qua xem xét tờ di chúc cụ T lập ngày 02/7/2018, thời điểm lập cụ T còn minh mẫn, khi lập di chúc còn có các nhân chứng chứng kiến cụ thể ông C, ông P, bà N, ông M, ông X, ông Đ, ông S (trong đó ông S chồng bà N là nguyên đơn khởi kiện trong vụ án này) do đó không thể cho rằng di chúc vô hiệu, nên không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là hủy di chúc do vô hiệu.

Về nội dung di chúc: Theo di chúc để lại cho ông E 1.050m² nhưng qua đo đạc thực tế phần đất này có diện tích 1.270,9m², cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần diện tích đất tăng lên nhiều so với di chúc. Căn cứ vào công văn số 1921/UBND-TNMT ngày 27/8/2020 về việc cung cấp thông tin thì diện tích

1.590m² của cụ T tặng cho quyền sử dụng đất cho bà L diện tích đất 386,2m², bà Võ Thị Lan diện tích đất 192m² thì diện tích còn lại của cụ T là 1.011,8m², nhưng qua thẩm định đo đạc thực tế diện tích đất cụ T là 1.270,9m², nguyên nhân tăng là do, theo kết quả đo đạc thực tế dựa vào bản đồ địa chính chính qui.

Cho nên căn cứ vào tờ di chúc, ông E chỉ được cụ T để lại 1.050m² phần đất dư ra so với di chúc là 220,9 m² đây là di sản của cụ T chưa chia không có thể hiện trong di chúc do đó cần phải chia theo pháp luật.

Cụ Trần Thanh V và cụ Võ Thị T có 08 người con gồm Võ Thị Nhát, Võ Thị Cúc, Võ Thị Hương, Võ Thị Lan, Võ Thị Ngọc Diệp, Võ Thị L, Võ Văn E, Võ Thị O. Nhưng do bà O chết qua xác minh không có chồng con. Nên phần đất 220,9m² này chia cho 7 kỷ phần, Hội đồng xét xử quyết định cho ông E được nhận hiện vật là phần đất diện tích 220,9m², đồng thời ông E phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền trên cho các đồng thừa kế gồm bà L, bà Hương, bà Lan, bà Diệp, bà Nhát và bà Cúc.

Qua biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2020 thì giá trị đất chuyển nhượng tại địa phương là 1.500.000đồng/m² cho nên ông E phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế gồm bà L, bà N, bà C, bà Đ và bà L1 mỗi người được nhận với số tiền 47.335.700 đồng (220,9m² x 1.500.000đồng = 331.350.000đồng : 7). Đối với bà H, tại bản tự khai bà cho rằng nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thì bà đồng ý giao kỷ phần của bà được nhận cho ông E nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với tài sản vật dụng trong nhà gồm 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo bằng gỗ, 01 tủ gỗ kiếng, 01 giường bằng gỗ, 01 giường sắt, 05 lu đựng nước mà cụ T để lại, nội dung di chúc không thể hiện ý chí của cụ T để lại tài sản này cho ai. Theo đơn khởi kiện bà L, bà L1, bà N, bà C, bà Đ không yêu cầu chia tài sản vật dụng trong nhà, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông E đồng ý giao toàn bộ tài sản nêu trên cho những người thừa kế còn lại, ông E không tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy ông E đã tự nguyện chia tài sản nêu trên cho những người thừa kế còn lại là phù hợp với quy định pháp luật và các đương sự không có kháng cáo về vấn đề này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, bà N, bà C, bà Đ, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà L, bà L, bà C, bà N, bà H, bà Đ phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và đã nộp tạm ứng chi phí thẩm, định giá tài sản là 2.000.000 đồng nên đã thi hành xong.

[9] Về án phí: Bà L, bà N, bà C, bà L1, bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, đối với án phí sơ thẩm bà L, bà C, bà N, bà H, là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Bà L1, bà Đ và ông E phải chịu án phí sơ thẩm phần chia

thừa kế theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 624, Điều 625, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, Võ Thị N, Võ Thị L1, Võ Thị Đ. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, bà N, bà C, bà Đ, bà L1, bà H yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ T đề ngày 02/7/2016 vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu chia di sản của cụ T để lại theo pháp luật đối với diện tích đất theo di chúc là 1.050m² tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông E, công nhận di chúc đề ngày 02/7/2016 do cụ T để lại là hợp pháp. Chia thừa kế di sản của cụ T để lại theo di chúc ngày 02/7/2016 cho ông E hưởng toàn bộ.

Xác định di sản cụ T để lại là phần diện tích đất 220,9m² đất tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm Võ Thị N, Võ Thị C, Võ Thị H, Võ Thị L1, Võ Thị Ngọc Đ, Võ Thị L, Võ Văn E.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông E đồng ý chia tài sản vật dụng trong nhà do cụ T để lại gồm 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo bằng gỗ, 01 tủ gỗ kiếng, 01 giường bằng gỗ, 01 giường sắt, 05 lu đựng nước cho bà L, bà L1, bà N, bà H, bà C, bà L, bà Đ. Ông E thực hiện chia ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông E có trách nhiệm chia lại kỹ phần thừa kế phần diện tích đất 220,9m² theo giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế gồm bà Võ Thị N, bà Võ Thị C, bà Võ Thị H, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị Ngọc Đ, bà Võ Thị L mỗi người là 47.335.700 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị H để lại kỹ phần thừa kế cho ông E là 47.335.700 đồng.

Ông E được quyền sở hữu phần diện tích đất 1.050m² và phần diện tích đất tăng so với tờ di chúc là 220,9m², tổng cộng là 1.270,9m² tọa lạc ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà thờ tọa lạc trên phần đất này theo di chúc của cụ T, đất có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Lê Văn B.
- + Tây giáp đất Võ Thị L, đất Võ Thị L1 và đường Giồng Nhỏ.
- + Nam giáp đất bà Lê Thị Ngọc T, đất ông Nguyễn Tấn S và đường huyện 11.

+ Bắc giáp đất bà Võ Thị L1, đất bà Nguyễn Thị Mỹ C.

(Có sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N, bà Võ Thị C, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị Ngọc Đ, không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà L, bà C, bà N, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

- Bà Võ Thị L1 phải chịu 2.366.785 đồng án phí sơ thẩm, bà L1 đã đóng 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 40321 ngày 10/6/2019 và biên lai thu số 0016713 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, sau khi được cản trừ bà L1 còn phải nộp tiếp 1.766.785 đồng.

- Bà Võ Thị Đ phải chịu 2.366.785 đồng án phí sơ thẩm, bà Đ đã đóng 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 40323 ngày 10/6/2019 và biên lai thu số 0016712 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, sau khi được cản trừ bà Đ còn phải nộp tiếp 1.766.785 đồng.

- Ông E phải chịu 12.916.000 đồng án phí sơ thẩm, ông E đã đóng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016476 ngày 15/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, sau khi được cản trừ ông E còn phải nộp tiếp 12.616.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 10/6/2021 có mặt bà L, bà Đ, bà N, ông E, chị P.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Phòng KTNV&THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều